

CÔNG TY CỔ PHẦN GOLD STAR GLOBALL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GOLD STAR GLOBALL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: GOLD STAR GLOBALL; JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109664802

3. Ngày thành lập: 09/06/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Phú Thù, Xã Khánh Thượng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912239063

Fax:

Email: congygoldstar@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ lưu niệm quà tặng	4773
2.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (loại trừ đấu giá, đồ cổ)	4774
3.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
4.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh và liên tỉnh	4932
5.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
6.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
7.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
9.	Bốc xếp hàng hóa	5224
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; - Môi giới thuê tàu biển và máy bay; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.	5229

11.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn, biệt thự du lịch (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);	5510
12.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
13.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
14.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
15.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
16.	Quảng cáo	7310
17.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
18.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
19.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
20.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; ủy thác và nhận ủy thác về việc xuất nhập khẩu hàng hóa	8299
22.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
23.	Sản xuất sợi	1311
24.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
25.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
26.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
28.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
29.	Trồng cây ăn quả	0121
30.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
31.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
32.	Khai thác gỗ	0220
33.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
34.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
35.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
36.	Khai thác quặng sắt	0710
37.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
38.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
39.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
40.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020

41.	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
42.	Sản xuất rượu vang	1102
43.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
44.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
45.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410(Chính)
46.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
47.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
48.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ gỗ	1629
49.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
50.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
51.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
52.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
53.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
54.	Xây dựng nhà để ở	4101
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
56.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
57.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
58.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
59.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
60.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
61.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
62.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
63.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
64.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
65.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
66.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
67.	Bán buôn thực phẩm	4632
68.	Bán buôn đồ uống	4633
69.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
70.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
71.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
72.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

73.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
74.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
75.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
76.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
77.	Bán buôn tổng hợp	4690
78.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
79.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại (Trừ hoạt động đấu giá)	4719
80.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
81.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
82.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
83.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
84.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
85.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
86.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4759
87.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
88.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 4.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THANH HƯƠNG	Số 296 tổ 8, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	46.000	460.000.000	10,000	0221690028 58	
			Tổng số	46.000	460.000.000	10,000		
2	TRẦN PHƯƠNG LINH	Số 14 ngõ 161 Thái Hà - Đống Đa - Hà Nội, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.680.0 00	3.680.000.000	80,000	0013010099 50	
			Tổng số	3.680.0 00	3.680.000.000	80,000		
3	TRẦN THỊ HUYỀN	Nhà số 1 ngách 145/48 phố Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	46.000	460.000.000	10,000	0381770000 96	
			Tổng số	46.000	460.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN PHƯƠNG LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Quyền Giám đốc*

Sinh ngày: 05/12/2001

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001301009950

Ngày cấp: 08/01/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: *Số 14 ngõ 161 Thái Hà - Đống Đa - Hà Nội, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 14 ngõ 161 Thái Hà - Đống Đa - Hà Nội, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội